

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị;

Thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị,

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP và Kế hoạch hành động 12-KH/TU.

1.2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các Sở, ban, ngành thành phố và chính quyền các địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP và Kế hoạch hành động 12-KH/TU, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST và CDS) là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới.

2. Yêu cầu

2.1. Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ từ thành phố

đến cơ sở. Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị của thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện với lộ trình, thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị, địa phương.

2.2. Tăng cường sự phối hợp liên ngành, giữa các ngành với các địa phương, với các cơ quan, đơn vị, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp.

2.3. Tập trung thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra của Kế hoạch thông qua việc hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

2.4. Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST, CDS. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, đổi mới toàn diện trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, ĐMST, CDS để phát triển kinh tế số. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế về KHCN, ĐMST và CDS.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

1.1. Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế Thành phố thông qua đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KHCN, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của Thành phố.

1.2. Thúc đẩy hoạt động ĐMST, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, từng bước hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ trung tâm nghiên cứu - phát triển với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

1.3. Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu.

1.4. Hoàn thiện chính quyền số, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững. Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng đột phá, chiếm tỷ trọng lớn trong GRDP thành phố, tập trung vào các ngành công nghiệp chủ chốt như logistics, công nghiệp chế biến chế tạo, và dịch vụ cảng biển.

1.5. Phát triển xã hội số và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp

phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1.6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

1.7. Tăng cường chuyển đổi xanh gắn với chuyển đổi số, kết hợp chuyển đổi số và chuyển đổi xanh để giảm thiểu phát thải carbon và bảo vệ môi trường; triển khai các giải pháp quản lý thông minh trong giao thông, năng lượng và quản lý tài nguyên.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các chỉ tiêu theo Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố phân công việc theo dõi đánh giá các chỉ tiêu cụ thể cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị tại *Phụ lục I* kèm theo Kế hoạch này.

2.2. Các chỉ tiêu đánh giá theo giai đoạn 5 năm

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ủy ban nhân dân thành phố xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo 5 giai đoạn (đến hết năm 2025; đến hết năm 2030; đến hết năm 2035; đến hết năm 2040; đến hết năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về: (1) Phát triển hạ tầng; (2) Phát triển nguồn lực; (3) Phát triển khoa học và công nghệ; (4) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; (5) Phát triển chuyển đổi số (*Chi tiết tại Phụ lục II*).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển KHCN, ĐMST và CDS

1.1. Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động của Thành ủy theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác.

1.2. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động của Thành ủy theo hướng “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”;–Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, ...), lượng hóa, cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm để theo dõi và đánh giá hiệu quả triển khai.

1.3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển

khai nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS của cơ quan, tổ chức; giao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch về phát triển KHCN, ĐMST và CDS hằng năm. Rà soát tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị.

1.4. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

1.5. Phát động phong trào thi đua trong toàn thành phố để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân trên địa bàn thành phố thực hiện thắng lợi Kế hoạch. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc; Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

2.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của Thành phố hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của KHCN, ĐMST, CDS.

2.2. Xây dựng quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với quy hoạch của Thành phố tầm nhìn tới năm 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

2.3. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội về cơ chế đột phá để đầu tư mạnh mẽ vào xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo/Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, mở rộng các phòng thí nghiệm mở và phát triển hạ tầng số. Đồng thời, đẩy mạnh thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước; Tạo điều kiện thuận lợi để các chuyên gia quốc tế tham gia

vào các dự án nghiên cứu lớn, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ và chuyển đổi số của Thành phố, tập trung vào 05 nhóm cơ chế, chính sách trong lĩnh vực như Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT); Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phát triển các nhóm ngành dịch vụ về tài chính, logistic, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, ...; Công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, y tế và môi trường; Công nghệ vật liệu mới và tự động hóa, vi mạch, bán dẫn; Công nghệ năng lượng tái tạo và bền vững.

2.4. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong công tác quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

2.5. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển KHCN.

2.6. Nghiên cứu xây dựng, công bố, triển khai danh mục các lĩnh vực công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng KHCN, ĐMST và CDS. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS đáp ứng nhu cầu phát triển của Thành phố và quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

2.7. Xây dựng và hình thành các quỹ: quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện); Cho phép thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước. Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, công - công, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

2.8. Tạo cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ: Sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; tạo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Xây dựng các khu vực, các không gian sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, để thử nghiệm các mô hình kinh doanh, sản phẩm, công nghệ mới. Xây dựng Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, cơ chế thí điểm hỗ trợ người sử dụng gắn với kết quả nghiên cứu công nghệ mới, vật liệu mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan nhằm tạo dựng một môi trường minh bạch, cạnh

tranh, không có rào cản đối với các ý tưởng đổi mới sáng tạo.

2.9. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại Thành phố; xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở tại Thành phố. Khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao thông qua các chính sách ưu đãi thuế, tài chính, hỗ trợ về đất đai và cơ sở hạ tầng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên đầu tư, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS

3.1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch về phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; các chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Xây dựng các chương trình về Chuyển đổi số Thành phố từng giai đoạn 5 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045 (Chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng; lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số và quy hoạch tổng thể của Thành phố).

3.2. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển (Chiến lược hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của Thành phố; chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu; chiến lược đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong khu vực công).

3.3. Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Xây dựng chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm của thành phố.

3.4. Đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng; đầu tư nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập; rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của địa phương để phát triển KHCN, ĐMST.

3.5. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Hợp tác đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, xây dựng nền tảng số sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức.

3.6. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số; giao người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

3.7. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn thành phố.

3.8. Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

3.9. Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh. Thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp Internet vạn vật (IoT) như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,...

3.10. Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, các địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo; Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

3.11. Xây dựng, ban hành Kế hoạch nghiên cứu, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực hành chính công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số, gắn với công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu; thúc đẩy việc sử dụng AI nhằm nâng cao năng suất lao động trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, hướng tới hình thành xã hội số thông minh, hiệu quả.

3.12. Triển khai Đề án/Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực.

3.13. Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống; Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...); thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

3.14. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”.

3.15. Triển khai các ứng dụng sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; Triển khai ứng dụng các giải pháp tăng cường an ninh dữ liệu. Khuyến khích phát triển các sản phẩm bảo mật, an ninh dữ liệu.

3.16. Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật ở từng cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối các hệ thống thông tin; Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng; Xây dựng

kế hoạch, đảm bảo nguồn lực ứng cứu sự cố; Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.

3.17. Triển khai tổ chức thực hiện đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ biển.

3.18. Xây dựng các Khu công nghiệp công nghệ cao/Khu công nghiệp kiểu mẫu về ứng dụng công nghệ thông tin và CDS.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS

4.1. Xây dựng các chiến lược về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao; về bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; về đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường; về tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực; về xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực KH-CN, ĐMST và CDS, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; về thu hút nhân tài, chuyên gia.

4.2. Nghiên cứu, tham mưu ban hành chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về KHCN, ĐMST và CDS làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của thành phố, các chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại thành phố theo các lĩnh vực, ngành nghề thành phố có nhu cầu.

4.3. Đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác. Hợp tác với các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số; Tăng cường hợp tác, liên kết trong đào tạo nhân lực với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập,...

4.4. Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

4.5. Hiện đại hóa phương thức đào tạo; phát triển đội ngũ nhân lực đủ năng lực, trình độ giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; Xây dựng đội ngũ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng.

4.6. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số; Tích hợp, lồng ghép nội dung CDS, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng; Phát động phong trào “học tập số”, Chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm mang lại cơ hội tiếp cận tri thức và nâng cao năng lực học tập cho người dân, đảm bảo tính phổ cập và hiệu quả.

4.7. Nghiên cứu đề xuất và thí điểm xây dựng Đại học số, mô hình ISO số phục vụ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực.

5. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

5.1. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển Chính phủ số; giao người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính phủ số.

5.2. Đẩy mạnh ứng dụng KHCN để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

5.3. Tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành; thực hiện chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; Phân tích bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành của thành phố ở những lĩnh vực thiết yếu, và dự báo chuyên sâu dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn...

5.4. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; Phát triển các nền tảng số đảm bảo an toàn, tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

5.5. Xây dựng chiến lược triển khai các nền tảng số, tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu. Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số. Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường, ... Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

5.6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hóa. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số. Xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

5.7. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu

thụ sản phẩm nông nghiệp trọng tâm của thành phố và liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn thành phố.

5.8. Xây dựng các hệ thống và nền tảng số về giám sát và thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh. Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

5.9. Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng; Triển khai các biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

5.10. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp

6.1. Xây dựng chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã CDS, đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh, thương mại hóa sản phẩm sáng tạo, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

6.2. Tổ chức thực hiện các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực KHCN, ĐMST; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

6.3. Hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ số quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; giao doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về CDS.

6.4. Triển khai cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước theo lộ trình; Khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về KHCN, ĐMS, CDS cùng với hỗ trợ khởi nghiệp.

6.5. Khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức công lập trong xây dựng hạ tầng phục vụ KHCN, ĐMST và CDS theo phương thức hợp tác công tư; cho phép doanh nghiệp tham gia đầu tư, vận hành, thương mại

hóa kết quả nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm, cơ sở công lập.

6.6. Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6.7. Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

6.8. Đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...

6.9. Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết theo hướng dẫn của Trung ương.

6.10. Thúc đẩy các doanh nghiệp trong thành phố phát triển tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu tạo ra giá trị thiết thực, làm chủ công nghệ.

6.11. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động phát triển KHCN, ĐMST và CDS theo hình thức đối tác công tư.

7. Tăng cường hợp tác trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

7.1. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh/thành phố trong và ngoài khu vực (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

7.2. Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại thành phố (Khu kinh tế, Khu thương mại tự do, Khu Kinh tế chuyên biệt, Khu/cụm Công nghiệp của thành phố).

7.3. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các viện, trường, địa phương của các quốc gia có trình độ KHCN, ĐMST và CDS phát triển; thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng các thành tựu KHCN phù hợp với thực tiễn và điều kiện của địa phương, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách về trình độ, năng lực công nghệ và nâng cao tự chủ về công nghệ.

7.4. Tạo điều kiện để cán bộ KHCN hợp tác, giao lưu, tham quan, khảo sát và tham gia các hội nghị khoa học quốc tế có liên quan; tiếp cận với tiến bộ khoa học, kỹ thuật của các nước tiên tiến, phát triển; Tăng cường tổ chức học tập kinh nghiệm các đơn vị, địa phương có mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của thành phố.

7.5. Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng, quốc gia. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp. Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ. Chủ

động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7.6. Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; Khuyến khích các doanh nghiệp của thành phố hợp tác với các đối tác nước ngoài; Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến thành phố làm việc, hợp tác.

7.7. Mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút FDI vào công nghệ cao. Tăng cường xúc tiến, tổ chức triển khai các hoạt động giao lưu, kết nối doanh nghiệp, trao đổi đoàn, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác, thu hút đầu tư về KHCN, ĐMST, CDS.

8. Tăng cường giám sát, đánh giá

8.1. Tăng cường thực hiện giám sát trực tuyến để theo dõi tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch. Đảm bảo công khai các thông tin về tiến độ, nguồn lực sử dụng và kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ để các bên liên quan dễ dàng truy cập. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả dựa trên các mục tiêu cụ thể của kế hoạch. Thiết lập thước đo định lượng và định tính để đảm bảo đánh giá chính xác và toàn diện.

8.2. Phân công các sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát từng phần nhiệm vụ. Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất để đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ. Ứng dụng công nghệ số như AI và Big Data để phân tích và giám sát các chỉ số hiệu quả trong thời gian thực. Yêu cầu các đơn vị liên quan gửi báo cáo tiến độ để tổng hợp và phân tích. Công khai báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tăng cường tính minh bạch.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp được giao cho Thành phố tại Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP (Chi tiết tại Phụ lục III).

2. Các nhiệm vụ cụ thể khác

Căn cứ Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố xác định các nhiệm vụ cụ thể về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong giai đoạn 2025-2030 và phân công cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị tại Phụ lục IV kèm theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Các nội dung đã thực hiện theo Kế hoạch 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Kế hoạch này.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động xây dựng/điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp và tổ chức triển khai thực hiện.

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, cùng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, kịp thời phản ánh bằng Văn bản (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp), báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ: KHCN, CA, NV;
- VPTW Đảng; VPCP;
- BTVTU;
- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban thuộc Thành ủy;
- Các Ban thuộc HĐND TP;
- VPTU;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Tổ chức KH&CN, Viện, Trường ĐH (giao Sở KHCN gửi);
- Phòng: VX, TH, NC, TC, NV&KTGS;
- Trung tâm Phục vụ HCC TP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, N.Đ.Thắng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP VÀ NGHỊ QUYẾT 11/NQ-CP
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ KHCN và ĐMST	Thứ bậc	Top 3 các địa phương dẫn đầu về phát triển KHCN và ĐMST	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, ĐMST của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức cao của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Lĩnh vực KHCN	Thứ bậc	Một số lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, logistic đạt trình độ quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	Phần đầu đứng top 3 toàn quốc	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Thứ bậc	Phần đầu đứng top 3 toàn quốc	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế	Thứ bậc	Phần đầu đứng top 3 toàn quốc	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	55-60	Thống kê thành phố

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
9	Tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 35	Thống kê thành phố ¹
11	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
11.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
11.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Sở Khoa học và Công nghệ
11.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
11.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
11.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Sở Khoa học và Công nghệ
11.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Sở Khoa học và Công nghệ
11.7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng UBND thành phố
11.8	Tỷ lệ nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường điện tử ²	%	100	Văn phòng UBND thành phố
12	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt ³	Lần GDP	30	NHNN Chi nhánh Khu vực 6
13	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
14	KHCN và ĐMST góp phần quan trọng xây dựng, phát	Chỉ số phát triển	$> 0,7$	Sở Khoa học và Công nghệ

¹ Sửa đổi theo chỉ tiêu: “Quy mô kinh tế số” (STT 1, Phụ lục I, kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

² Sửa đổi theo chỉ tiêu: “Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử” (STT 2, Phụ lục I, kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

³ Sửa đổi, thay thế theo chỉ tiêu: “Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt” (STT 3, Phụ lục I, kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	con người (HDI)		
15	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GDP	2	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	> 60	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia	% tổng chi ngân sách địa phương	Không thấp hơn dự toán Trung ương giao, phần đầu đạt 3%	Sở Tài chính
18	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST	Người/vạn dân	12	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	Tổ chức	2-3	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình	%/năm	10	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	16-18	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Hạ tầng số		Tiến tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng	Sở Khoa học và Công nghệ
23.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
23.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Sở Khoa học và Công nghệ
24	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại thành phố	Chính quyền địa phương	>5	Sở Khoa học và Công nghệ UBND các cấp chính quyền địa phương
25	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu	Tổ chức, doanh	≥ 1	Sở Tài chính, Ban Quản lý

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	khu vực/ thể giới tham gia hợp tác nghiên cứu, đặt trụ sở, đầu tư tại thành phố ⁴	nghiệp		Khu Kinh tế Hải Phòng
26	Quản lý nhà nước từ cấp thành phố đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
27	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an thành phố
28	Phối hợp hình thành sàn dữ liệu	Sàn dữ liệu	5	Công an thành phố
29	Hình thành các Trung tâm dữ liệu chung của thành phố	Trung tâm dữ liệu thành phố	≥ 1	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì; Công an thành phố, các sở, ngành phối hợp
30	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	NHNN Chi nhánh Khu vực 6
31	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
32	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
33	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Công an thành phố
34	Phối hợp xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ hàng đầu của ngành Công an	Cơ sở	01	Công an thành phố
35	Tỷ lệ Make in Vietnam trong tổng doanh thu công nghiệp số Việt Nam	%	50	Sở Khoa học và Công nghệ
36	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo			
36.1	Mức độ CDS đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố đạt mức 2 trở lên	%	> 95% đối với cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường	Sở Giáo dục và Đào tạo

⁴ Sửa đổi theo chỉ tiêu: “Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thể giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại thành phố” (STT 4, Phụ lục I, kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			xuyên; > 90% đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục.	
36.2	Cơ sở giáo dục triển khai ký sổ trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ sổ	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.3	Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.4	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	95	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.5	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	%	85	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.6	Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
II	Đến năm 2045			
37	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 60	Thống kê thành phố ⁵
38	Chỉ số ĐMST toàn cầu	Thứ bậc	≤ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/1000 dân	1	Sở Khoa học và Công nghệ
40	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên	Doanh nghiệp	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ

⁵ Sửa đổi theo chỉ tiêu: Quy mô kinh tế số” (STT 5, Phụ lục I, kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	tiền			
41	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu khu vực/thế giới tham gia hợp tác nghiên cứu, đặt trụ sở, đầu tư tại thành phố ⁶	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 3	Sở Tài chính; Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng
42	Tham gia, phối hợp nghiên cứu làm chủ một số công nghệ chip và vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, rô bốt và tự động hóa, sinh học, hóa học, vật liệu tiên tiến, công nghệ bảo an ứng dụng trong đảm bảo an ninh quốc gia	%	20- 50	Công an thành phố
43	Mức độ CDS đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố đạt mức 2 trở lên	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
44	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
45	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo

⁶ Sửa đổi theo chỉ tiêu: “Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam” (STT 6, Phụ lục I, kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

PHỤ LỤC II
CÁC CHỈ TIÊU THEO DÕI ĐÁNH GIÁ THEO GIAI ĐOẠN 05 NĂM
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
I	Phát triển hạ tầng							
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trong khu đô thị trên địa bàn thành phố	≥60%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
2	Tỷ lệ phủ sóng 5G tại các khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không, khu du lịch, trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps	≥60%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
4	Tỷ lệ phủ sóng 6G tại khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không trên địa bàn thành phố	-	-	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
5	Tỉ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn thành phố	-	-	50%	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
II	Phát triển nguồn lực							
6	Tỉ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách thành phố	phần đầu 3%	phần đầu 3%	phần đầu đạt 3%	phần đầu đạt trên 3%	phần đầu đạt trên 3,5%	Sở Tài chính	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
7	Tỷ lệ kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) trong GRDP	-	2%	2%	2%	2%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	80%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Các cấp chính quyền địa phương.	Bộ số liệu báo cáo
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ; Các cấp chính quyền địa phương	Bộ số liệu báo cáo
10	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp thành phố được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ; Các cấp chính quyền địa phương	Bộ số liệu báo cáo
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	100%	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng.	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...)	-	-	-	80-90%	$\geq 90\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
13	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST trên 01 vạn dân.	Có từ 07 người	Có từ 12 người	Có từ 20 người	Có từ 33 người	Có từ 54 người	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
14	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	100%	100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
15	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$	100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
16	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	$\geq 90\%$	100%	-	-	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
17	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	$\geq 80\%$	-	-	-	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
18	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	-	-	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
19	Tỷ lệ Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, ĐMST vào các môn học và hoạt động giáo dục	-	$\geq 95\%$		100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
20	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục trung học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	-	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
21	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	-	100%	-	-	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
III	Phát triển KHCN							
22	Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố.	≥ 300	≥ 600	≥ 1.200	≥ 2.000	≥ 3.000	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
23	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.	≥ 75	≥ 150	≥ 250	≥ 300	≥ 400	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
24	Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố.	≥ 4	≥ 6	≥ 8	≥ 10	≥ 12	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
25	Số lượng công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu / năm	≥ 30	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 160	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
26	Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai / năm	≥ 30	≥ 50	≥ 80	≥ 120	≥ 160	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
27	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 75\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
28	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) / năm	≥ 25	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 180	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
29	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	$\geq 10\%$	$\geq 25\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
30	Số lượng bài báo khoa học (Scopus/ISI) có địa chỉ tác giả tại thành phố / năm	≥ 50	≥ 150	≥ 300	≥ 500	≥ 800	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
31	Số lượng trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc ĐMST của thành phố đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế.	-	-	-	07 đến 10	-	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
32	Số lượng trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm thành phố thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	-	-	-	15 đến 20	-	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
33	Số công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực/ năm	≥ 1	≥ 3	≥ 5	≥ 8	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
IV	Phát triển hệ sinh thái ĐMST							
34	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	≥ 200	≥ 400	≥ 500	≥ 1000	≥ 1500	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
35	Số lượng vườn ươm, trung tâm ĐMST.	≥ 3	≥ 7	≥ 12	≥ 18	≥ 25	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
36	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	$\geq 15\%$	$\geq 30\%$	$\geq 50\%$	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
37	Số lượng sản phẩm ĐMST được thương mại hóa / năm	≥ 20	≥ 60	≥ 150	≥ 300	≥ 500	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương.	Bộ số liệu báo cáo
38	Số lượng dự án ĐMST được hỗ trợ từ ngân sách thành phố / năm	≥ 10	≥ 30	≥ 60	≥ 100	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
39	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố / năm	≥ 10	≥ 20	≥ 50	≥ 100	≥ 200	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
40	Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan ĐMST / năm	≥ 100	≥ 300	≥ 700	≥ 1200	≥ 1800	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
41	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	$\geq 10\%$	≥ 25	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính.	Bộ số liệu báo cáo
42	Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận/ năm	≥ 60	≥ 70	≥ 120	≥ 180	≥ 250	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
43	Xếp hạng thành phố có chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu hoặc xếp hạng cả nước về thành phố có hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu.	-	200 đến 300 hoặc top 3 cả nước	-	-	-	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
V	Phát triển CDS							
44	Chỉ số CDS thành phố	$\geq 0,77$	$\geq 0,8$	$\geq 0,85$	$\geq 0,92$	đạt 1,0	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
45	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Các Sở, ngành; địa phương; đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
46	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
47	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
48	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%	Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
49	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	100%	100%	100%	100%	Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
50	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	100%	Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
51	Tỷ lệ hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	$\geq 40\%$	70%	$\geq 90\%$	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
52	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa & liên thông tới Trung ương.	$\geq 50\%$	80%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
53	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.	$\geq 60\%$	85%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
54	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	$\geq 30\%$	60%	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
55	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	$\geq 10\%$	20%	30%	40%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
56	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	$\geq 70\%$	85%	$\geq 95\%$	100%	100%	Công an thành phố; Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
57	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền cấp xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	$\geq 60\%$	90%	100%	100%	100%	Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương	Bộ số liệu báo cáo
58	Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP	30%	35%	45-50%	50-55%	60%	Thống kê thành phố ⁷	Bộ số liệu báo cáo

⁷ Sửa đổi theo chỉ tiêu: Quy mô kinh tế số” (STT 1 và 5, Phụ lục I, Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

PHỤ LỤC III
PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ CHUNG CỦA THÀNH PHỐ
THEO NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP, NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71/NQ-CP và Nghị quyết 11/NQ-CP)	Stt NV trong NQ71, NQ11	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia					
1-3.	Nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.	Xây dựng chương trình chuyên biệt về KHCN, ĐMST và CDS trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội	1	Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng	Chương trình	Thường xuyên
		Cụ thể hóa nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	3	Các cấp chính quyền, các sở, ngành, đơn vị	Kế hoạch	Thường xuyên
		Hoàn thành xây dựng, cập nhật điều chỉnh kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ	7	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch	Sau khi Chính phủ ban hành
4.	Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ	Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học	4	Các cấp chính	Có tỷ lệ phù hợp cán bộ	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71/NQ-CP và Nghị quyết 11/NQ-CP)	Stt NV trong NQ71, NQ11	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
	thuật trong cấp uỷ các cấp.	kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.		quyền, các sở, ngành, đơn vị	có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo	
5-6.	Triển khai sâu rộng phong trào "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức KHCN, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào "học tập số" thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	2	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình, kế hoạch được ban hành	Thường xuyên
		Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về KHCN, ĐMST và CDS.	12	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình, kế hoạch được ban hành	Tháng 9/2025
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
7-8.	Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật... đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân,	48	Các cấp chính quyền, các sở, ngành, đơn vị	Hoàn thành số hóa	Tháng 9/2025

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71/NQ-CP và Nghị quyết 11/NQ-CP)	Stt NV trong NQ71, NQ11	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
		doanh nghiệp				
		Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	11	Các cấp chính quyền, các sở, ngành, đơn vị	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Thường xuyên ⁸
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia					
9.	Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược	Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị thông minh tại thành phố	23	Tổ công tác Phát triển Đô thị thông minh	Báo cáo	2026-2030
10.	Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	27	Các cấp chính quyền, các sở, ngành, đơn vị	Hoàn thành các CSDL	Tháng 6/2026

⁸ Điều chỉnh theo nhiệm vụ: “Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh” (thuộc STT 11, Phụ lục II, kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71/NQ-CP và Nghị quyết 11/NQ-CP)	Stt NV trong NQ71, NQ11	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
12.	Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	20	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành các nền tảng số đảm bảo kết nối, liên thông	Theo thời gian các bộ, ngành đã đăng ký trong triển khai xây dựng các nền tảng số quốc gia ⁹
13-14.	Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	81	Sở Khoa học và Công nghệ và các cấp chính quyền, đơn vị	Kế hoạch/ Báo cáo	Tháng 9/2025
		Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	82	Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu kinh tế	Kế hoạch của UBND thành phố	Tháng 9/2025

⁹ Điều chỉnh theo nhiệm vụ: “Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thời hạn hoàn thành: Tháng 12/2025” (STT 20, Phụ lục II, kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71/NQ-CP và Nghị quyết 11/NQ-CP)	Stt NV trong NQ71, NQ11	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
15.	Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu vùng	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	92	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố, các cấp chính quyền, đơn vị	Khắc phục lỗ hổng bảo mật...	Tháng 5/2025
16.	Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ.	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu, triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	28	Sở Khoa học và Công nghệ và các cấp chính quyền, đơn vị	Hoàn thành kết nối	Tháng 12/2026 ¹⁰
17.	Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	19	Sở Khoa học và Công nghệ và các cấp chính quyền, đơn vị	Báo cáo	Thường xuyên

¹⁰ Điều chỉnh từ nhiệm vụ: “Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu” (thuộc STT 28, Phụ lục II, kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ).

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71/NQ-CP và Nghị quyết 11/NQ-CP)	Stt NV trong NQ71, NQ11	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia					
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh					
18.		Hoàn thành triển khai các nhiệm vụ phục vụ CDS về Phát triển kinh tế ban đêm, đảm bảo kết nối với Đề án 06.	147 (8)	Sở Tài chính	Tổ chức triển khai đảm bảo kết nối Đề án 06	Tháng 9/2025
19.		Hoàn thành triển khai các nhiệm vụ phục vụ CDS đảm bảo kết nối với Đề án 06: Mô hình điểm tại tỉnh/thành phố có đảo (nếu có)	147 (11)	Sở Tài chính, Công an thành phố	Hoàn thành mô hình	Tháng 9/2025
20.		Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	59	Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	2025 và những năm tiếp theo
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp					
21.	Có chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về KHCN, ĐMST và CDS, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)	132	Sở Tài chính	Kế hoạch	Tháng 9/2025

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71/NQ-CP và Nghị quyết 11/NQ-CP)	Stt NV trong NQ71, NQ11	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
	thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam					
22.	Cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số	Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	66	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Sở Khoa học và Công nghệ	Các khu công nghiệp công nghệ số được triển khai	Tháng 6/2028
23.	Công bố danh mục các bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết	Công bố danh mục các bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS của thành phố	65	Sở Khoa học và Công nghệ	Các bài toán được công bố trên Cổng TTĐT của bộ, ngành, địa phương	Hằng năm
24.	Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	67	Sở Công Thương	Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành	Tháng 12/2025

PHỤ LỤC IV
PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ KHÁC THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1.	Tổ chức tuyên truyền về Nghị quyết số 57-NQ/TW, về KHCN, ĐMST và CDS với hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tài liệu, video, cuộc thi...) để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch, Lớp học	Hàng năm
2.	Tham mưu phát động phong trào thi đua để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân trên địa bàn thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch	9/2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
3.	Xây dựng các biện pháp tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, học viên, sinh viên trên môi trường mạng góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố Hải Phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
4.	Nghiên cứu đề xuất ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Văn bản	12/2025
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
5.	Tiếp tục triển khai nghiên cứu, có giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, CDS phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị thành phố sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; bảo đảm thông suốt, hiệu quả, kịp thời.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch/Báo cáo	2026
6.	Rà soát các quy định của pháp luật liên quan về KHCN, ĐMST và CDS thành phố đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Báo cáo	Hàng năm
7.	Triển khai thực hiện cơ chế chính sách đặc thù về KHCN, ĐMST và CDS theo Nghị quyết số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng		quyền địa phương, các đơn vị liên quan		
8.	Nghiên cứu, đề xuất thành lập khoa tài năng trong các trường Đại học, Cao đẳng về công nghệ thông tin, tự động hóa...nhằm thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, làm chủ công nghệ cho các ngành, lĩnh vực	Các trường Đại học, Cao đẳng của Thành phố; Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	11/2027
9.	Đề xuất và thí điểm một số mô hình phát triển khoa học công nghệ, ĐMST và CDS tại thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025 - 2030
10.	Xây dựng chiến lược/kế hoạch/ đề án để phát triển KHCN, ĐMST và CDS của thành phố giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chiến lược/Kế hoạch/ Đề án	2025 - 2030
11.	Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	2025 - 2030
12.	Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số tại thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	12/2027
13.	Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện	Sở Khoa học và	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính	Chương trình/ Kế	12/2026

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, ĐMST, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.	Công nghệ	quyền địa phương, các đơn vị liên quan	hoạch/ Báo cáo	
14.	Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	Sở Nội Vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	12/2026
15.	Thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi trong cấp thị thực nhập cảnh, cư trú cho chuyên gia, nhà khoa học chất lượng cao (<i>theo Nghị định số 221/2025/NĐ-CP ngày 8/8/2025 của Chính phủ</i>)	Công an thành phố	Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Văn bản triển khai; Giấy tờ được cấp theo quy định	12/2026
16.	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương	CSDL	Theo Dự án được thành phố phê duyệt
II	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS				
17.	Bố trí kinh phí dành cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS cao hơn dự toán Trung ương giao, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, phấn đấu đến năm 2030 đạt 3% tổng chi ngân sách địa phương.	Sở Tài chính	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
18.	Nghiên cứu đề xuất: Xây dựng và phát triển các	Sở Khoa học và	Các sở, ban, ngành,	Báo cáo	2025 - 2030

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo và Dự án Công viên khoa học và Đổi mới sáng tạo	Công nghệ	UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan		
19.	Nghiên cứu, đầu tư xây dựng Trung tâm tính toán thông minh của thành phố/ Trung tâm tính toán hiệu năng cao (HPC); Trung tâm dữ liệu (DC)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan	Báo cáo	11/2026
20.	Nghiên cứu, đầu tư xây dựng Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; Thuê dịch vụ giám sát bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trên địa bàn thành phố	Công an thành phố	Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành thành phố; UBND cấp xã và đơn vị liên quan	Báo cáo	12/2026
21.	Hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị trong việc phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh theo Chương trình số 01-Ctr/TU ngày 19/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 12/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
22.	Đầu tư, nâng cao năng lực Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
23.	Triển khai tổ chức thực hiện đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo,	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính	Báo cáo	2026-2027

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ biển.		quyền địa phương, các đơn vị liên quan		
24.	Nghiên cứu đề xuất đầu tư xây dựng Trung tâm thu thập thông tin camera giám sát và chia sẻ, kết nối với các Sở, ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội.	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025-2027
25.	Phát triển định mức trang thiết bị phương tiện chuyên dụng của Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ chuyên ngành các khu kinh tế biển, cảng biển.	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
26.	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển di sản số, xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
27.	Tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chú trọng các lĩnh vực công nghệ chiến lược; trí tuệ nhân tạo; công nghiệp bán dẫn; dữ liệu và chuyển đổi số quốc gia...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các hội thảo, hội nghị, hội thi, sự kiện	Hàng năm
28.	Xây dựng, phát triển Bộ chỉ số, hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của thành phố dựa trên chủ trương, định hướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên hạ tầng của Trung tâm Dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND thành phố và các đơn vị liên quan	Bộ Chỉ số	2025-2026

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	theo quy định				
29.	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển hạ tầng số và nền tảng quản lý tổng thể Khu thương mại tự do; phát triển hệ sinh thái cảng biển số và Khu thương mại tự do thông minh tại Hải Phòng	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2026-2030
30.	Triển khai bệnh án điện tử.	Sở Y tế	Các cơ sở khám, chữa bệnh có giường bệnh nội trú	Bệnh án điện tử	12/2025
31.	Thực hiện thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên trong một số lĩnh vực bao gồm: nông nghiệp; du lịch; logistics; công nghiệp, chế biến chế tạo...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch	Theo lộ trình triển khai của Trung ương
32.	Xây dựng, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch	2026
33.	Tham mưu triển khai các ứng dụng sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân	Công an thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Ứng dụng sản phẩm đảm bảo ANAT	12/2025
34.	Tham mưu triển khai ứng dụng các giải pháp tăng cường an ninh dữ liệu. Khuyến khích phát triển các sản phẩm bảo mật, an ninh dữ liệu	Công an thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Ứng dụng sản phẩm	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
35.	Phối hợp phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hình thành thị trường dữ liệu; sản phẩm dịch vụ dữ liệu	Theo lộ trình của Trung ương
36.	Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu trên địa bàn thành phố	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
37.	Hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn thành phố	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
38.	Trình ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài thành phố Hải Phòng.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Nghị quyết	12/2025
39.	Xây dựng Kế hoạch hành động phát triển đội ngũ trí thức thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã, các đơn vị liên quan	Kế hoạch	Quý I/2026
40.	Khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ trong quản lý, dạy học và hoạt động giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
41.	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/4/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển Trường Đại học Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Trường Đại học Hải Phòng	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025-2030
42.	Nghiên cứu đề xuất và thí điểm Xây dựng Đại học số, mô hình ISO số phục vụ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực	Trường Đại học Hải Phòng	Sở Giáo dục và đào tạo; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025 - 2027
43.	Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, các viện nghiên cứu để đưa chương trình thực tế vào giảng dạy.	Đại học Hải Phòng; Các trường Đại học, Cao đẳng của thành phố.	Sở Giáo dục và đào tạo; Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
44.	Tăng cường hợp tác quốc tế, trong đó có thu hút nguồn lực trí thức người Việt Nam ở nước ngoài vào lĩnh vực chuyển giao công nghệ, phát triển KHCN và ĐMST, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực mới và có tính chiến lược.	Sở Ngoại vụ	Sở Nội vụ; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
45.	Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.	Chủ tịch UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
46.	Triển khai Kế hoạch tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ	Liên hiệp các Hội	Các sở, ban, ngành, cơ	Kế hoạch/	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	thuật và Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng theo hướng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, thu hút đa dạng đối tượng tham gia và khuyến khích các giải pháp chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ số tiên tiến	Khoa học và Kỹ thuật thành phố	quan, đơn vị, địa phương.	Báo cáo	
47.	Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	Nâng cao chất lượng nhân lực	12/2025
48.	Rà soát mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia của thành phố, kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học quốc gia, quốc tế theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	CSDL về các nhà khoa học.	12/2025
V	Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
49.	Ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hạ tầng.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
50.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều				

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	hành ngành Công thương:				
	- Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
	- Nâng cấp, vận hành và khai thác hiệu quả Sàn thương mại điện tử Hoa Phượng (hoaphuong.gov.vn); tổ chức kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia sàn và triển khai các hoạt động livestream quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, thúc đẩy tiêu dùng số và chuyển đổi số trong hoạt động thương mại	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
	- Nền tảng số hóa và cơ sở dữ liệu logistics thành phố Hải Phòng.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Nền tảng cơ sở dữ liệu	12/2026
51.	Xây dựng phần mềm Quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	Sở Nội vụ	Sở Ngoại vụ; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Phần mềm	12/2026
52.	Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng”.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính	Phần mềm công chứng	12/2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
			quyền địa phương, các đơn vị liên quan	và lưu trữ tài liệu số hóa, CSDL công chứng	
53.	Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hải Phòng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, các đơn vị liên quan	Báo cáo Hạ tầng công nghệ thông tin	2025
54.	Triển khai kế hoạch số 317/KH-UBND ngày 02/12/2025 về phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo Hạ tầng viễn thông	2026-2030
55.	Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về CDS, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
56.	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng.	Công an thành phố	Công an thành phố; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
57.	Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ	Sở Khoa học và	Các sở, ban, ngành,	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.	Công nghệ	UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan		
58.	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, các dự án đầu tư nước ngoài, đề ngăn chặn việc ứng dụng, chuyển giao, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
59.	Triển khai sâu rộng các hoạt động sáng tạo tạo ra tài sản trí tuệ, hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trên địa bàn thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
60.	Tăng cường ứng dụng phát triển công nghệ tại Vườn Quốc gia Cát Bà:				
	- Thuê hệ thống giám sát, cảnh báo sớm cháy rừng tại Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà	Vườn Quốc gia Cát Bà	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2026-2030
	- Ứng dụng các phần mềm công nghệ cao trong quản lý, phát triển, xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Cát Bà.	Vườn Quốc gia Cát Bà	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2027
61.	Tăng cường Ứng dụng công nghệ thông tin trong				

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	giáo dục và đào tạo:				
	- Triển khai thực hiện cấp Học bạ số cho 100% học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố đồng thời triển khai Cơ sở dữ liệu học bạ số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu học bạ số	12/2026
	- Triển khai, tạo lập Cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan	CSDL văn bằng, chứng chỉ số	12/2026
	- Triển khai CSDL tuyển sinh đầu cấp ngành Giáo dục thành phố (tuyển sinh đầu cấp MN, TH, THCS; tuyển sinh THPT).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan	100% CSGD vận hành HT tuyển sinh đầu cấp, kết nối CSDL ngành	Quý I/2026
	- Thí điểm ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong GDĐT (hỗ trợ dạy học cá thể hóa, phân tích dữ liệu học tập, hỗ trợ quản lý và ra quyết định).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị liên quan	Mô hình thí điểm/báo cáo	Quý III/2026
	- Thuê dịch vụ chữ ký số cho cán bộ, giáo viên để ký hồ sơ, sổ sách, bảng điểm và tạo lập học bạ số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN; các đơn vị liên quan	100% cán bộ, giáo viên có đủ chữ ký số	Quý IV/2026
62.	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Đề án, dự án, chương trình, kế hoạch, báo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				cáo	
63.	Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản báo cáo triển khai	Thường xuyên
64.	Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản báo cáo triển khai	Thường xuyên
65.	Triển khai các biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản báo cáo triển khai	Thường xuyên
66.	Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử; xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản báo cáo triển khai	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
67.	Tăng cường công tác truyền thông về Bộ tiêu chí văn hóa số của người Hải Phòng văn minh, lịch sự trên môi trường số nhằm lan tỏa rộng rãi đến nhân dân thành phố, qua đó đưa bộ tiêu chí vào thực tiễn đời sống một cách thiết thực.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Có văn bản báo cáo	Hàng năm
68.	Triển khai nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Nền tảng	6/2026
69.	Số hóa và quản lý giám sát hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	phần mềm quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản	2025-2026
70.	Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trọng tâm của thành phố và liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	Chương trình	2026
71.	Xây dựng và triển khai Đề án Chuyển đổi số Công an thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030	Công an thành phố	Các đơn vị liên quan	Đề án/ Báo cáo	2026-2030
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp				
72.	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn	Văn bản triển khai	Sau khi Bộ Công thương

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	dùng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.		vị liên quan	thực hiện	triển khai
73.	Triển khai nền tảng quản lý thông minh cho khu, cụm công nghiệp, tích hợp các dịch vụ như giám sát, quản lý năng lượng, logistics và bảo trì. Liên kết dữ liệu của các doanh nghiệp với chính quyền địa phương và trung ương để cải thiện việc ra quyết định và quản lý hiệu quả	Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng	Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản triển khai thực hiện	2026-2030
74.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp. Phát triển các khu công nghiệp sinh thái với sự hợp tác giữa các doanh nghiệp trong việc chia sẻ tài nguyên và xử lý chất thải. Kết nối các khu công nghiệp với các chuỗi cung ứng bền vững	Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng	Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản triển khai thực hiện	2026-2030
75.	Thúc đẩy mạnh mẽ, giải pháp kích thích kinh tế số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; đưa thương mại điện tử, chữ ký số vào hoạt động mua, bán nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
VII	Tăng cường hợp tác trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
76.	Xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, hợp tác với các địa phương khác, các nước phát triển KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
77.	Tăng cường hợp tác và huy động nguồn lực từ các Quỹ đầu tư của nước ngoài triển khai các dự án thử nghiệm về công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, CDS trong các lĩnh vực hàng hải, kinh tế biển, logistics và các nguồn hợp pháp khác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Báo cáo	Hàng năm
78.	Thu hút FDI vào công nghệ cao. Tăng cường xúc tiến, tổ chức triển khai các hoạt động giao lưu, kết nối doanh nghiệp, trao đổi đoàn, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác, thu hút đầu tư về khoa học công nghệ, ĐMST, CDS.	Ban Quản lý Khu kinh tế thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ; các sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Báo cáo	Hàng năm
79.	Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Bản ký kết	Hàng năm
80.	Hợp tác trong các dự án nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), công nghệ sinh học, vật liệu mới, năng lượng tái tạo, không gian, y học chính xác...	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Biên bản hợp tác	Hàng năm
81.	Trao đổi sinh viên, giảng viên, nghiên cứu sinh, chuyên gia; tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo quốc tế; xây dựng các chương trình đào tạo liên kết	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm